

Số: 19/2011/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 23 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2011

Kiểm toán viên

Lê Xuân Bách

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1305/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.175.243.694	7.622.546.268
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	192.374.348	3.128.188.493
1. Tiền	111		192.374.348	3.128.188.493
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.341.765.259	3.025.003.764
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	3.114.612.360	2.925.587.764
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	372.750.000	99.416.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	59.172.399	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(204.769.500)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.541.282.952	1.066.558.915
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.541.282.952	1.066.558.915
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.099.821.135	402.795.096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	234.564.078	242.070.699
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	865.257.057	160.724.397



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

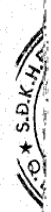
Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.613.492.181	116.531.579.261
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		86.276.972.252	93.915.142.554
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	86.145.331.733	93.908.497.266
<i>Nguyên giá</i>	222		148.021.539.307	147.020.622.034
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(61.876.207.574)	(53.112.124.768)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	131.640.519	6.645.288
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.336.519.929	22.616.436.707
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	21.336.519.929	22.616.436.707
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		113.788.735.875	124.154.125.529



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.148.981.862	25.926.609.453
I. Nợ ngắn hạn	310		5.952.764.676	7.188.701.359
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	436.700.000	-
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	740.000.000	636.936.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3.252.078.074	5.196.851.146
5. Phải trả người lao động	315		832.705.909	754.795.632
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	203.218.451	134.509.169
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	488.062.242	465.609.012
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.196.217.186	18.737.908.094
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	4.074.639.700	18.637.751.725
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.18	121.577.486	100.156.369
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.639.754.013	98.227.516.076
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	103.639.754.013	98.227.516.076
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.285.021.039	15.354.822.648
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.571.762.249	3.250.062.517
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.782.970.725	29.622.630.911
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		113.788.735.875	124.154.125.529

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2011

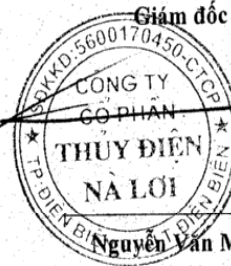
Người lập biểu

Lê Thị Hương

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Tuấn

Giám đốc



Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	38.379.689.953	42.513.869.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.379.689.953	42.513.869.670
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	18.434.751.825	17.422.016.726
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.944.938.128	25.091.852.944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	589.154.803	14.033.295.889
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.964.752.943	4.258.215.350
Trong đó: chi phí lãi vay	23		797.864.968	3.084.843.817
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5.594.685.172	3.750.181.958
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.974.654.816	31.116.751.525
11. Thu nhập khác	31		-	65.833.102
12. Chi phí khác	32		84.263.329	23.380.278
13. Lợi nhuận khác	40		(84.263.329)	42.452.824
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.890.391.487	31.159.204.349
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.420.793.765	4.725.209.713
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.469.597.722</u>	<u>26.433.994.636</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>2.294</u>	<u>5.287</u>

Người lập biểu



Lê Thị Hương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Tuấn

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.890.391.487	31.159.204.349
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.764.082.806	8.731.919.016
- Các khoản dự phòng	03		204.769.500	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		213.287.975	593.076.900
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.402.777)	(577.241.389)
- Chi phí lãi vay	06		797.864.968	3.084.843.817
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.226.063.655)	4.833.094.074
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(474.724.037)	(663.567.806)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.342.237.439	2.009.393.548
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.287.423.399	1.508.289.976
- Tiền lãi vay đã trả	13		(797.864.968)	(3.084.843.817)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.034.906.555)	(649.146.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.934.095.582	45.945.022.668
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.125.912.504)	(53.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.402.777	1.176.749.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.093.509.727)	4.123.249.389

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.776.400.000)	(38.244.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.000.000.000)	(15.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(19.776.400.000)</u>	<u>(53.244.000.000)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.935.814.145)	(3.175.727.943)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.128.188.493	6.303.916.436
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>192.374.348</u>	<u>3.128.188.493</u>

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2011

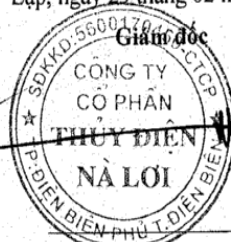
Người lập biểu

Lê Thị Hương

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Tuấn

Giám đốc



Nguyễn Văn Minh

